

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định
và các khu vực liền kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn,
tỉnh Bình Định của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định và các khu vực liền kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 16/01/2020;

Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định và các khu vực liền kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 471/BGPMB-HT ngày 11/5/2020 của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 465/TTr-STNMT ngày 05/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định và các khu vực liền kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND phường Quang Trung theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra. Bàn giao cho đơn vị có chức năng vận hành các biện pháp bảo vệ môi trường sau khi đã hoàn thành việc xây dựng.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Quang Trung;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU ĐẤT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ GIAO THÔNG VẬN TẢI BÌNH ĐỊNH
VÀ CÁC KHU VỰC LIÊN KỀ, PHƯỜNG QUANG TRUNG, THÀNH PHỐ
QUY NHƠN CỦA BAN GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG TỈNH
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định và các khu vực liên kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn.

1.2. Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh.

1.3. Địa điểm: phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án: tổng diện tích dự án là 12,623 ha, bao gồm: đất ở, đất công trình công cộng, đất thương mại dịch vụ, đất công viên cây xanh, thể dục thể thao, ... với tổng dân cư của Dự án khoảng 6.950 người.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư như san nền, giao thông, hệ thống cấp và thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi trong quá trình san nền, bụi và khí thải của máy móc thi công tại công trường và của phương tiện vận chuyển; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông, bùn thải từ hồ thu gom nước thải sinh hoạt.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,8 m³/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 734 m³/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, đất đổ thải; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn xây dựng: tổng khối lượng chất thải rắn từ xà bần khoảng 10.369,31 m³, chất thải rắn sinh hoạt khoảng 63 kg/ngày, chất thải rắn thi công xây dựng 100 kg/tháng.

- Trong giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 6.255 kg/ngày.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh với tổng khối lượng khoảng 95 kg/năm và giai đoạn hoạt động phát sinh với tổng khối lượng khoảng 380 kg/năm.

- Tính chất CTNH: chủ yếu là pin, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang,...chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt: đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải phát sinh từ tất cả các hộ dân (tách riêng hệ thống thu gom nước mưa), hố gom và trạm bơm (02 máy bơm chìm công suất mỗi máy bơm là 70 m³/giờ) đặt tại khu vực cây xanh phía Đông dự án (ngã 3 đường D1 và N3), tuyến ống áp lực HDPE (đường kính 160 mm, chiều dài 600 m) để bơm nước thải về trạm bơm PS5, Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt Nhơn Bình để xử lý. Lắp đặt đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra.

b) Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải gồm các đoạn cống có kích thước cụ thể như sau: chiều dài 550 m, đường kính 400mm; chiều dài 1.163 m, đường kính 600mm; chiều dài 492 m, đường kính 800mm; chiều dài 259 m cống, đường kính 1.000mm; chiều dài 643m, đường kính 1.200mm và 43 hố ga chuyển hướng, 127 hố ga thoát nước mưa. Hướng thoát nước chính là về phía Tây đường Quốc lộ 1D.

- Xây dựng 02 hệ thống mương bê tông hờ (có nắp đan che chắn), cụ thể: đường kính 1.000 mm, chiều dài 150 m; đường kính 600 mm, chiều dài 93 m tại phía Tây dự án giáp chân núi và đầu nối với hệ thống thoát nước mưa trong khu vực dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: phương tiện vận chuyển được phủ kín bạt, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, phun nước giảm thiểu bụi phát sinh,...

- Giai đoạn hoạt động: quy hoạch diện tích đất cây xanh, mặt nước là 3.863,6 m²; bê tông hóa hoặc trải nhựa các tuyến đường nội bộ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- Đất thừa và xà bần từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng sẽ được vận chuyển đến khu đất A2, đường Điện Biên Phủ nối dài, khu vực 1, phường Nhơn Bình do Công ty cổ phần công viên và chiếu sáng đô thị Quy Nhơn để tận dụng san lấp mặt bằng.

- CTR sinh hoạt: bố trí khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác (xe rác đẩy tay,...) tại tập kết tại đất hạ tầng kỹ thuật trên đường N1A và đường D6, với diện tích khoảng 30 m².

- CTNH: trang bị các thùng chuyên dụng đặt tại khu vực riêng có mái che để thu gom CTNH phát sinh và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Giai đoạn xây dựng: Bố trí biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án, chỉ thi công trong khoảng thời gian từ 7h- 11h30, 13h30-17h.

- Giai đoạn hoạt động: quy hoạch diện tích để trồng cây xanh.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn xây dựng: ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và sử dụng các phương tiện thi công tại công trường nhằm tránh nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

- Giai đoạn hoạt động: bàn giao cho đơn vị chủ quản thường xuyên kiểm tra, khơi thông các hố ga, công thoát nước mưa tránh ngập cục bộ trong khu vực khi có mưa lớn.

4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Hệ thống thu gom nước thải, trạm bơm (02 máy bơm chìm công suất mỗi máy bơm là 70 m³/giờ), tuyến ống áp lực HDPE; lắp đặt đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra.

- Quy hoạch diện tích cây xanh, mặt nước là 3.863,6 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 3 điểm (Khu vực nhà dân gần nhất ở phía Tây, Nam giáp với Dự án).

- Thông số giám sát: bụi, ồn. Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

b) Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giám sát môi trường trong vận hành thử nghiệm: không thực hiện.

5.3. Giám sát vận hành thương mại:

Giám sát nước thải sinh hoạt: giám sát lưu lượng nước thải đầu ra.